

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh
giai đoạn 2026-2030

I- TÌNH HÌNH

Trong thời gian vừa qua, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22 tháng 02 năm 2021 về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 thông qua Đề án phát triển một số cây được liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Việc triển khai các nghị quyết này đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển nông nghiệp và cây được liệu theo hướng tập trung, quy mô lớn, hướng tới sản xuất theo hướng xanh, sạch; hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Qua đó góp phần tăng thu ngân sách địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phát triển sản xuất theo hướng giảm phát thải, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế xanh trong thời gian tới.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả tích cực, song sản xuất nông nghiệp hàng hóa và được liệu của tỉnh vẫn chưa thực sự bền vững, chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng và lợi thế sẵn có; việc giảm thiểu sử dụng hóa chất, áp dụng quy trình sản xuất xanh, sạch theo tiêu chuẩn an toàn quy mô còn nhỏ, mức độ lan tỏa chưa cao, chưa gắn được với chuỗi liên kết giá trị; nhiều diện tích được liệu phát triển dưới tán rừng còn thiếu tính bền vững, nguy cơ ảnh hưởng đến hệ sinh thái nếu không được quản lý bảo vệ tốt.

Nguyên nhân chủ yếu là do công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện các quy trình canh tác theo hướng xanh, sạch, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng trong sản xuất và truy xuất nguồn gốc còn hạn chế. Chính sách hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn, hữu cơ chưa đủ khuyến khích người dân tham gia. Bên cạnh đó, trình độ canh tác và điều kiện kinh tế của một bộ phận người dân còn khó khăn chưa mạnh dạn chuyển đổi từ phương thức sản xuất truyền thống sang sản xuất theo hướng giảm phát thải, phát triển xanh và bền vững.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, yêu cầu chuyển đổi xanh, phát triển bền vững và nhu cầu thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp, dược liệu sạch, an toàn hữu cơ ngày càng tăng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về “Phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030” để kịp thời cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng xanh, nhanh và bền vững.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

Phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài, phù hợp với đường lối phát triển của đất nước; góp phần thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và chủ trương Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030.

Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu phải gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và nhu cầu xã hội; đảm bảo hiệu quả kinh tế đi đôi với sử dụng hợp lý tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, giữ gìn hệ sinh thái và nâng cao đời sống nhân dân.

Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế địa phương, tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, gắn với phát triển kinh tế tư nhân, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và thu hút đầu tư; đẩy mạnh sản xuất xanh, sạch, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị bền vững, giảm thiểu phát thải và tích hợp đa giá trị; ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển nông nghiệp thông minh và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động tổ chức sản xuất, chứng nhận chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới dây chuyền công nghệ.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng bền vững, tích hợp đa giá trị, xanh, sạch, tuần hoàn, chất lượng cao và ít phát thải. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong các hoạt động tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, truy

xuất nguồn gốc và xây dựng nhãn hiệu sản phẩm. Qua đó, thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp, góp phần bảo đảm tốc độ tăng trưởng chung của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Cây chè: Đầu tư thâm canh nâng cao chất lượng trên 10.000 ha vùng nguyên liệu chè; trong đó có 2.500 ha sản xuất theo hướng xanh, sạch, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ; 100% diện tích tập trung được cấp mã vùng trồng.

(2) Cây lúa: Duy trì trên 3.500 ha sản xuất hàng hóa tập trung, trong đó có 1.500 ha áp dụng kỹ thuật canh tác cải tiến và quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ. Thu gom, xử lý và tái sử dụng 65% lượng rơm rạ sau thu hoạch.

(3) Cây ăn quả: Tiếp tục thâm canh diện tích cây ăn quả hiện có, trong đó có 2.500 ha áp dụng theo quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ.

(4) Cây rau, củ, quả: Tiếp tục thâm canh trên 5.100 ha hiện có, trong đó phát triển 500 ha áp dụng theo quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ.

(5) Chăn nuôi lợn: Phát triển thêm 15 cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô trang trại, nâng tổng số cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô trang trại toàn tỉnh lên 115 cơ sở, quy mô 40.000 con/lứa, sản lượng trung bình 8.000 tấn/năm; 100% cơ sở có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu. Có 09 cơ sở được cấp giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

(6) Nuôi ong: Phát triển thêm 2.000 đàn ong nuôi tập trung, nâng tổng số đàn ong tập trung toàn tỉnh lên 7.000 đàn. Sản lượng mật bình quân đạt 32 tấn/năm; trong đó 10 tấn mật ong được chứng nhận bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

(7) Nuôi cá lồng: Phát triển mới 23.000 m³ lồng nuôi; nâng tổng thể tích lồng nuôi tập trung lên 200.000 m³, trong đó 160.000 m³ có cam kết sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm.

(8) Cây mắc ca: Trồng mới 1.000 ha, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên khoảng 8.400 ha; trong đó có 1.000 ha áp dụng theo quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ.

(9) Cây quế: Trồng mới 2.500 ha; nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên trên 15.000 ha; trong đó có 4.500 ha áp dụng theo quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ.

(10) Cây sâm: Phát triển vùng trồng Sâm Lai Châu đạt 3.000 ha; 100% diện tích được quản lý, cấp mã số cơ sở nuôi trồng và chỉ dẫn địa lý.

(11) Các cây dược liệu khác: Duy trì trên 9.100 ha sa nhân, thảo quả dưới tán rừng hiện có đảm bảo quản lý, phát triển bền vững với hệ sinh thái rừng. Phát triển 600 ha trồng tập trung các loại như đương quy, atiso...; trong đó 10% diện tích áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, GACP-WHO.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập, quán triệt Nghị quyết; nâng cao nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân trong tỉnh về tính cần thiết và hiệu quả của việc phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh. Tạo sự đồng thuận cao trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân, thúc đẩy chuyển biến trong hành động, thay đổi tư duy sản xuất từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu; gắn phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, bảo đảm hiệu quả kinh tế song song với bảo vệ môi trường, giữ gìn hệ sinh thái và nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời khuyến khích sự tham gia của các tổ chức xã hội để tạo sức mạnh tổng hợp trong triển khai Nghị quyết.

- Thường xuyên xây dựng các phóng sự, bài viết, tin bài... đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút đầu tư và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển sản xuất hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh. Tăng cường phổ biến các mô hình liên kết, sản xuất hiệu quả; thông tin về lợi ích của sản xuất nông nghiệp hàng hóa, dược liệu theo hướng kinh tế xanh gắn với xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý sản phẩm.

- Đẩy mạnh tổ chức tập huấn kỹ thuật và xây dựng các mô hình thu gom, xử lý, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi, độn lót sinh học, phân bón hữu cơ, giá thể trồng nấm... Qua đó nâng cao nhận thức và ý thức của người dân về lợi ích của việc tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

3.2. Đẩy mạnh chuyển đổi các mô hình sản xuất truyền thống sang áp dụng các quy trình sản xuất xanh, sạch, tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, tích hợp đa giá trị và giảm thiểu tác động môi trường

- Đối với trồng trọt: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác và quản lý cây trồng tổng hợp (bón phân, quản lý sâu bệnh hại); giảm lượng bón phân

đạm Ure, thay thế phân bón hóa học bằng phân bón hữu cơ, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón; sử dụng các chế phẩm sinh học, thuốc thảo mộc thay thế thuốc bảo vệ thực vật; thu gom, quản lý và tái sử dụng phụ phẩm cây trồng. Tiếp tục mở rộng phát triển các hệ thống nhà lưới, nhà màng, nông nghiệp thông minh để chủ động kiểm soát dịch bệnh và giảm thiểu tác động đến môi trường. Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản có lợi thế của tỉnh theo hướng áp dụng quy trình sản xuất an toàn (hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP, tiêu chuẩn GACP-WHO...), gắn với việc cấp mã vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cụ thể: Phát triển chè tại các Phường Tân Phong, Đoàn Kết và các xã Bản Bo, Tân Uyên, Mường Khoa, Pắc Ta, Mường Kim...; lúa tại các xã Mường Kim, Than Uyên, Mường Than, Pắc Ta, Bình Lư...; cây ăn quả tại các xã Than Uyên, Mường Kim, Pắc Ta, Tân Uyên, Bình Lư, Phong Thổ, Sin Suối Hồ, Nậm Tăm, Nậm Mạ, Mường Mô...; rau, hoa, củ, quả tại các xã Mường Kim, Than Uyên, Pắc Ta, Tân Uyên, Bình Lư, Sin Hồ và các phường Tân Phong, Đoàn Kết; Mắc ca tại các xã Pắc Ta, Mường Khoa, Tân Uyên, Bản Bo, Bình Lư, Tả Lèng, Khun Há, Nậm Cuối...; quế tại các xã Khoen On, Nậm Sỏ, Tân Uyên, Nậm Cuối, Hua Bum, Bum Nưa, Bum Tở, Pa Ủ...

- Đối với chăn nuôi, thủy sản: Đẩy mạnh việc sử dụng hệ thống xử lý chất thải kết hợp công nghệ sinh học để tạo năng lượng, biến chất thải thành phân bón hữu cơ và nước sạch tái sử dụng; kết hợp các phương pháp truyền thống như ủ phân, sử dụng men vi sinh, đệm lót sinh học. Tăng cường sử dụng thức ăn ủ chua, bổ sung vi sinh, cung cấp các nguyên tố vi lượng giúp tăng hiệu quả tiêu hóa, tăng năng suất chăn nuôi và giảm lượng phát thải khí. Phát triển các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô trang trại theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu và gắn với chứng nhận an toàn dịch bệnh. Tập trung tại phường Tân Phong và các xã Mường Than, Than Uyên, Bình Lư, Pắc Ta, Sin Suối Hồ, Hua Bum. Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, bảo đảm giám sát, kiểm soát tốt dịch bệnh, môi trường và chất lượng sản phẩm tại khu vực lòng hồ các thủy điện: Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát. Phát triển nuôi ong gắn với kiểm soát dịch bệnh, chất lượng sản phẩm tập trung tại các xã Mường Kim, Than Uyên, Mường Than, Pắc Ta, Bình Lư, Nậm Hàng, Lê Lợi...; nuôi cá lồng tại các xã Mường Kim, Khoen On, Than Uyên, Nậm Sỏ, Nậm Mạ, Lê Lợi, Mường Mô...;

- Đối với dược liệu: Thực hiện tốt việc quản lý và phát triển bền vững dược liệu dưới tán rừng đảm bảo đa dạng sinh học; Tập trung phát triển Sâm Lai Châu, theo quy trình sản xuất an toàn, gắn với cấp mã số vùng trồng và

truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn GACP-WHO tại các xã: Mường Khoa, Tả Lèng, Khun Há, Sì Lở Lầu, Dào San, Sìn Hồ, Pu Sam Cáp, Hua Bum, Pa Tần, Thu Lũm, Pa Ủ, Mường Tè, Bum Nưa...; cây dược liệu khác tại các xã Tủa Sín Chải, Sìn Hồ, Khun Há, Tả Lèng, Pắc Ta, Mường Khoa, Sì Lở Lầu,...

3.3. Thực hiện rà soát, chuyển đổi, tích tụ, tập trung đất đai

- Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai nhằm hình thành các vùng nguyên liệu đủ lớn để phục vụ liên kết chế biến, đảm bảo việc tổ chức sản xuất theo hướng an toàn, hữu cơ, sinh thái và ứng dụng công nghệ cao; thực hiện chuyển đổi đất trồng lúa nương, đất lúa 1 vụ kém hiệu quả, đất nương rẫy trồng cây hàng năm, sang phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản như: Cây rau, củ quả, cây ăn quả và dược liệu.... Tiếp tục khai thác diện tích mặt nước lòng hồ các thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát để phát triển nuôi trồng thủy sản; khai thác nguồn nước các khe suối để phát triển nuôi cá nước lạnh.

- Ưu tiên những địa điểm có nguồn nguyên liệu tập trung để thu hút đầu tư xây dựng cơ sở chế biến thủy sản. Bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển các dịch vụ đầu vào trong sản xuất và cơ sở chế biến nông sản.

- Khuyến khích nông dân góp quyền sử dụng đất nhằm hợp tác đầu tư với doanh nghiệp; đồng thời triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa và dược liệu theo hướng kinh tế xanh. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư phát triển.

3.4. Thúc đẩy các hình thức tổ chức sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Tổ chức triển khai phát triển mạnh kinh tế tư nhân trong sản xuất nông nghiệp; chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác. Tiếp tục tăng cường thu hút các doanh nghiệp có năng lực vào đầu tư phát triển nông nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm có nhiều tiềm năng như chè, sâm, chăn nuôi, thủy sản.

- Tiếp tục củng cố các mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ đã hình thành; phát triển thêm các chuỗi giá trị mới theo hướng xanh và bền vững. Tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín, gắn kết chặt chẽ giữa khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ, đồng thời bảo vệ môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân xây dựng chuỗi liên kết sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP, ISO...), nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm nước, năng lượng và vật tư đầu vào; ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh như: Chè, mắc ca, quế, dược liệu, sâm Lai Châu, gạo đặc sản, gia súc, thủy sản...

- Đẩy mạnh liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị; hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân - nhà khoa học - Nhà nước theo hướng minh bạch, chia sẻ lợi ích hài hòa và phân bổ rủi ro hợp lý. Nâng cao vai trò của doanh nghiệp và hợp tác xã trong tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, kiểm soát chất lượng, hướng tới đạt các chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ...

3.5. Tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất tập trung, bảo đảm an toàn dịch bệnh; ứng dụng công nghệ IoT để tự động hóa một số khâu trong quá trình sản xuất như kiểm soát độ ẩm, hệ thống tưới tự động trong trồng trọt; quản lý thức ăn, nước uống trong chăn nuôi với các hệ thống cho ăn, cho uống tự động. Thúc đẩy sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn thông qua tái chế và xử lý phụ phẩm cây trồng, sản xuất phân bón từ phụ phẩm nông nghiệp, sử dụng chế phẩm sinh học phục hồi độ phì của đất; áp dụng hầm biogas, đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi nhằm giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, kết nối cung - cầu; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Tăng cường đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ cho người dân trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất trong nhà màng, nhà lưới.

- Chuyển giao và ứng dụng chế phẩm sinh học trong bảo vệ thực vật, phân vi sinh phục vụ chăm sóc, bảo vệ cây trồng. Tăng cường sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thảo dược và phân bón sinh học tại các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh phát triển trang trại chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh; áp dụng mô hình chuồng trại khép kín và hệ thống xử lý chất thải đồng bộ.

- Ứng dụng hệ thống sục khí, cho ăn tự động trong nuôi trồng thủy sản; sử dụng vật liệu làm lồng bèo, thân thiện môi trường; lựa chọn giống cá năng suất, chất lượng cao, thích nghi với điều kiện địa phương; tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học từ tự nhiên, kiểm soát chặt chẽ việc dùng kháng sinh điều trị bệnh. Đẩy mạnh quan trắc, cảnh báo môi trường và dịch bệnh thủy sản; tổ chức tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi và công nghệ chế biến nhằm nâng cao giá trị sản xuất.

- Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất tại vùng hàng hóa tập trung đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh như áp dụng hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sản xuất hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP; quản lý dinh dưỡng hợp lý, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, ưu tiên biện pháp sinh học và nông nghiệp hữu cơ, phát triển nông nghiệp tuần hoàn.

- Phát triển hạ tầng và công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo hướng xanh. Hỗ trợ đầu tư, cải tạo hệ thống sản xuất, bảo quản, sơ chế, đóng gói, kho lạnh và logistics nông sản đáp ứng tiêu chuẩn xanh, tiết kiệm năng lượng và giảm tổn thất sau thu hoạch. Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ thông minh trong truy xuất nguồn gốc, giám sát chuỗi cung ứng, tối ưu hóa vận chuyển và tiêu thụ.

3.6. Tập trung phát triển, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại

- Thực hiện quản lý, sử dụng các nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý của các sản phẩm hiện có theo đúng quy định pháp luật. Tiếp tục rà soát, lựa chọn các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực và đặc sản địa phương có giá trị kinh tế, lợi thế cạnh tranh để xây dựng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận hoặc chỉ dẫn địa lý.

- Hướng dẫn các tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ sản xuất thực hiện đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý tại Cục Sở hữu trí tuệ. Tăng cường hỗ trợ, hướng dẫn quy trình, thủ tục và hồ sơ quản lý nhãn hiệu bảo đảm đúng quy định.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý gắn với tiêu chuẩn chất lượng, quy trình sản xuất, vùng nguyên liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong công tác quản lý và quảng bá sản phẩm: Triển khai tem điện tử truy xuất nguồn gốc, mã QR, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về vùng nguyên liệu và sản phẩm.

- Nâng cao nhận thức và năng lực của doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất về vai trò của nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý trong việc gia tăng giá trị sản phẩm. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; ngăn chặn hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép nhãn hiệu. Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức đăng ký, quản lý, phát triển nhãn hiệu bền vững.

- Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm xanh, có chứng nhận và truy xuất nguồn gốc rõ ràng; tăng cường kết nối tiêu thụ nông sản thông qua sàn thương mại

điện tử, hệ thống siêu thị, chợ đầu mối xanh và cửa hàng nông sản an toàn. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tham gia hội chợ OCOP và các sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

3.7. Cơ chế chính sách, nguồn lực

- Tổ chức đánh giá việc thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh. Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa và được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026–2030; tập trung hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, RA, hữu cơ..., hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và các hình thức chứng nhận liên quan.

- Triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất - tiêu thụ gắn với kinh tế xanh, tuần hoàn; chính sách hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia và chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hiện có.

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế; ngân sách nhà nước chỉ mang tính hỗ trợ một phần, các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất chủ động trong việc huy động nguồn vốn.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện sát với yêu cầu thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị; tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách, bố trí nguồn ngân sách để triển khai thực hiện Nghị quyết và tổ chức giám sát việc thực hiện.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai Nghị quyết; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn nghiên cứu, quán triệt, học tập, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết này sâu rộng trong các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên, Nhân dân; thường xuyên theo dõi, đôn

độc việc thực hiện; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

6. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ,
- Văn phòng: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy HĐND tỉnh,
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Lê Minh Ngân